



CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Địa chỉ ĐKKD: 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881
Địa chỉ giao dịch: 26 Nguyễn Huy Tự, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881/ 3820 6881 - Fax: 028. 3820 6881

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--------------------------------------|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 – 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 6 – 7 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 8 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 9 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | 10 – 32 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thuận Thảo (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát

Công ty cổ phần Thuận Thảo là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4400123162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 12 năm 2009 trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Vận Tải và Thương mại Thuận Thảo thành Công ty cổ phần Thuận Thảo, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/09/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Hoạt động của Công ty là kinh doanh Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, theo hợp đồng, taxi và xe buýt, vận tải hàng hóa bằng ô tô, dịch vụ bến xe và kho bãi; Kinh doanh phòng hát Karaoke, hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu), hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc, kinh doanh khu vui chơi, giải trí, trò chơi dân gian có thưởng, hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động và các dịch vụ du lịch; và các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 03 đường Hải Dương, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị:

| | |
|---------------------|---------------------------|
| Bà Võ Thị Thanh | Chủ tịch |
| Ông Võ Hoàng Chương | Thành viên |
| Ông Trần Quốc Hiến | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Như | Thành viên |
| Ông Phạm Văn Triêm | Thành viên (từ 16/5/2019) |

Ban Tổng Giám đốc:

| | |
|---------------------|-------------------|
| Bà Võ Thị Thanh | Tổng Giám đốc |
| Ông Võ Hoàng Chương | Phó Tổng Giám đốc |

Ban kiểm soát

| | |
|------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Hữu Ân | Trưởng ban |
| Ông Dương Ngọc Trát | Thành viên |
| Bà Lương Thị Ngọc Thúy | Thành viên |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Võ Thị Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 03 năm 2020



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Thuận Thảo

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Thuận Thảo, được lập ngày 21/03/2020, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thuận Thảo tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VII.9 (trang 32) trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả và đánh giá một số vấn đề về tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính cho năm 2019, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần sau thuế trong kỳ là (165.869.050.290) đồng, lỗ lũy kế đến 31/12/2019 là (1.435.633.130.845) đồng đã vượt quá vốn chủ sở hữu và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.646.090.255.897 đồng, khoản cho vay và lãi cho vay đã quá hạn thanh toán chưa thu hồi với số tiền là 453.632.500.000 đồng, các khoản vay đến hạn trả và lãi vay chưa thanh toán với số tiền là 1.450.963.663.422 đồng, các khoản thuế và lãi phạt chậm nộp thuế với số tiền là 156.195.289.490 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính năm 2019 đã được lập với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

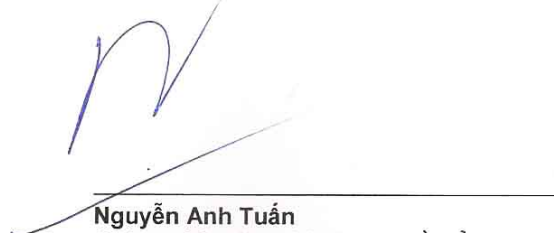
Phó Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2837-2019-152-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Anh Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1559-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 27 tháng 03 năm 2020



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 11.624.061.812 | 12.847.112.877 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 56.069.300 | 126.861.186 |
| 1. Tiền | 111 | | 56.069.300 | 126.861.186 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 8.787.532.055 | 10.002.017.089 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 3.643.969.589 | 3.668.316.389 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 189.470.000 | 1.087.346.384 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4 | 400.000.000.000 | 400.000.000.000 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 58.586.592.466 | 58.878.854.316 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (453.632.500.000) | (453.632.500.000) |
| III. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 2.539.381.518 | 2.563.185.681 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 2.539.381.518 | 2.563.185.681 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 241.078.939 | 155.048.921 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8 | 241.078.939 | 155.048.921 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 701.773.626.244 | 737.826.859.363 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | V.5 | 271.000.000 | 271.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 271.000.000 | 271.000.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 687.996.846.036 | 710.869.987.075 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 687.996.846.036 | 710.869.987.075 |
| - Nguyên giá | 222 | | 941.413.276.054 | 941.413.276.054 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (253.416.430.018) | (230.543.288.979) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 6.685.416.593 | 7.080.730.232 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 6.685.416.593 | 7.080.730.232 |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 6.820.363.615 | 19.605.142.056 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8 | 6.820.363.615 | 19.605.142.056 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 713.397.688.056 | 750.673.972.240 |



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|-------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.702.193.019.958 | 1.573.600.253.852 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.657.714.317.709 | 1.539.666.967.603 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 17.166.214.048 | 20.270.417.972 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 18.329.098.651 | 6.301.764.652 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 156.195.289.490 | 152.464.853.759 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 10.273.514.000 | 9.165.251.755 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.14 | 821.566.858.723 | 716.515.755.223 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15 | 4.484.956.269 | 5.233.337.714 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.16 | 629.396.804.699 | 629.396.804.699 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 301.581.829 | 318.781.829 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 44.478.702.249 | 33.933.286.249 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.15 | 17.126.743.708 | 17.187.643.708 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.16 | 27.351.958.541 | 16.745.642.541 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | (988.795.331.902) | (822.926.281.612) |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | (988.795.331.902) | (822.926.281.612) |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 435.030.000.000 | 435.030.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 435.030.000.000 | 435.030.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 11.807.798.943 | 11.807.798.943 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (1.435.633.130.845) | (1.269.764.080.555) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | (1.269.764.080.555) | (1.080.083.871.208) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | (165.869.050.290) | (189.680.209.347) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 713.397.688.056 | 750.673.972.240 |

Người lập biểu

Nguyễn Văn Như

Nguyễn Văn Như

Ngày 21 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Như

Nguyễn Văn Như

Tổng Giám đốc



Võ Thị Thanh

Võ Thị Thanh

1388
CÔNG T
NHẬN H
VỤ T
NH H
HỒN T
AM V
P. HC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 24.463.094.443 | 30.014.616.732 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 24.463.094.443 | 30.014.616.732 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 16.457.001.279 | 19.739.044.309 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 8.006.093.164 | 10.275.572.423 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 200.100.236 | 428.492.198 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 105.051.103.500 | 105.583.853.213 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 105.051.103.500 | 105.583.853.213 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 22.976.427.877 | 23.442.203.721 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 40.431.027.107 | 63.932.965.882 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (160.252.365.084) | (182.254.958.195) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 399.704.215 | 615.199.797 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 6.016.389.421 | 8.040.450.949 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (5.616.685.206) | (7.425.251.152) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (165.869.050.290) | (189.680.209.347) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.9 | - | - |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (165.869.050.290) | (189.680.209.347) |
| 18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu | | VI.10 | (3.813) | (4.360) |

Người lập biểu

Nguyễn Văn Như

Ngày 21 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Như

Tổng Giám đốc



Võ Thị Thanh

TRƯỞNG
KẾ TOÁN
TỔNG
CỔ PHẦN
THUẬN THẢO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | (165.869.050.290) | (189.680.209.347) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 35.205.819.418 | 35.214.952.753 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (100.236) | (133.740) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 105.051.103.500 | 105.583.853.213 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (25.612.227.608) | (48.881.537.121) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 1.214.485.034 | 37.568.337.882 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 23.804.163 | (15.559.122) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | 12.998.827.606 | 32.245.343.539 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 366.070.044 | 774.340.625 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (46.281.000) | (988.535.626) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (17.200.000) | (16.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (11.072.521.761) | 20.686.390.177 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định | 21 | 395.313.639 | (1.367.303.115) |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia | 27 | 100.236 | 133.740 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 395.413.875 | (1.367.169.375) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 27.298.301.000 | 29.818.786.000 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (16.691.985.000) | (49.100.809.374) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 10.606.316.000 | (19.282.023.374) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (70.791.886) | 37.197.428 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 126.861.186 | 89.663.758 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 56.069.300 | 126.861.186 |

Người lập biểu

Nguyễn Văn Như

Ngày 21 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Như

Tổng Giám đốc



Võ Thị Thanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Thuận Thảo là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4400123162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 12 năm 2009 trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Vận Tải và Thương mại Thuận Thảo thành Công ty cổ phần Thuận Thảo, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/09/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 03 đường Hải Dương, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là kinh doanh Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, theo hợp đồng, taxi và xe buýt, vận tải hàng hóa bằng ô tô, dịch vụ bến xe và kho bãi; Kinh doanh phòng hát Karaoke, hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu), hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc, kinh doanh khu vui chơi, giải trí, trò chơi dân gian có thưởng, hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động và các dịch vụ du lịch; và các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc Công ty:

- Chi nhánh Công ty cổ phần Thuận Thảo (tỉnh Phú Yên)
Địa chỉ: Số 236/6 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thuận Thảo tại Quy Nhơn
Địa chỉ: Đường Tây Sơn, Khu vực 5, Phường Ghềnh Ráng, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thuận Thảo - Khách Sạn CenDeluxe
Địa chỉ: Số 02 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|-------------------------|-------------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc | 25 - 50 năm |
| - Máy móc thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải | 10 năm |
| - Dụng cụ quản lý | 04 - 10 năm |
| - Tài sản cố định khác | 04 - 10 năm |

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 10 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

1386
CÔNG T
QUẢN Đ
VỤ
ĐIỂM T
AM VU
P. HC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

15. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---------------------------------|-------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 6.605.320 | 1.407.317 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 47.363.980 | 125.453.869 |
| Tiền đang chuyển | 2.100.000 | - |
| Cộng | 56.069.300 | 126.861.186 |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Vận tải và Thương mại An Thiên Phúc | 3.037.972.933 | 3.037.972.933 |
| Phải thu khách hàng khác | 605.996.656 | 630.343.456 |
| Cộng | 3.643.969.589 | 3.668.316.389 |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|-----------------------|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Các nhà cung cấp khác | 189.470.000 | 1.087.346.384 |
| Cộng | 189.470.000 | 1.087.346.384 |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Cho Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn vay (bên liên quan) | 400.000.000.000 | 400.000.000.000 |
| Cộng | 400.000.000.000 | 400.000.000.000 |

Khoản nợ gốc và lãi vay (xem thêm thuyết minh V.5) được đảm bảo bằng quyền chuyển đổi thành vốn góp của Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn. Trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế Ban lãnh đạo Công ty đồng ý không tính lãi suất đối với khoản cho vay này. Hoạt động chính của Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn là phát triển dự án bất động sản tại huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh và đang trong giai đoạn đầu tư chưa phát sinh doanh thu. Hiện khoản nợ này đã quá hạn thanh toán, Công ty đang tiến hành các thủ tục để thu hồi khoản nợ này.

5. Phải thu khác

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu ngắn hạn khác | 58.586.592.466 | 58.878.854.316 |
| Phải thu ngân sách chi phí làm đường N1-Resort | 798.956.000 | 798.956.000 |
| Chi phí đền bù đất (sẽ được trừ dần vào một phần tiền thuê đất hàng năm phải nộp cho Nhà nước) | 3.517.955.553 | 3.517.955.553 |
| Công ty TNHH Vận tải và Thương mại An Thiên Phúc | 125.000.000 | - |
| Phải thu lãi cho Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn vay (bên liên quan) | 53.632.500.000 | 53.632.500.000 |
| Tạm ứng | 243.309.374 | 529.591.155 |
| Phải thu khác | 268.871.539 | 399.851.608 |
| Phải thu dài hạn khác | 271.000.000 | 271.000.000 |
| Ký quỹ, ký cược dài hạn | 271.000.000 | 271.000.000 |
| Cộng | 58.857.592.466 | 59.149.854.316 |

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Đơn vị tính : VND

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Dự phòng | Giá trị ghi sổ | Dự phòng |
| Cho Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn vay | 400.000.000.000 | (400.000.000.000) | 400.000.000.000 | (400.000.000.000) |
| Phải thu lãi cho Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn vay | 53.632.500.000 | (53.632.500.000) | 53.632.500.000 | (53.632.500.000) |
| Cộng | 453.632.500.000 | (453.632.500.000) | 453.632.500.000 | (453.632.500.000) |

3052
CỔ
TRÁCH N
DỊCH
AI CHỈ
VÀ H
NA
V7-T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|--|----------------------|-------------|----------------------|-------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá trị ghi số | Dự phòng | Giá trị ghi số | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.049.521.924 | - | 905.185.971 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 155.825.916 | - | 154.512.323 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 200.297.938 | - | 145.590.939 | - |
| Hàng hoá | 1.133.735.740 | - | 1.357.896.448 | - |
| Cộng | 2.539.381.518 | - | 2.563.185.681 | - |

8. Chi phí trả trước

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|-----------------------------------|----------------------|--|-----------------------|--|
| | VND | | VND | |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 241.078.939 | | 155.048.921 | |
| Chi phí đồ dùng dụng cụ | 27.500.104 | | 79.293.604 | |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 213.578.835 | | 75.755.317 | |
| Chi phí trả trước dài hạn | 6.820.363.615 | | 19.605.142.056 | |
| Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ | 260.277.780 | | 263.887.892 | |
| Lợi thế thương mại (*) | 3.083.169.594 | | 15.415.847.977 | |
| Chi phí đền bù đất | 3.460.845.541 | | 3.546.354.964 | |
| Chi phí tái cấu trúc | - | | 375.621.678 | |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 16.070.700 | | 3.429.545 | |
| Cộng | 7.061.442.554 | | 19.760.190.977 | |

(*) Lợi thế thương mại phát sinh do nhận sáp nhập Công ty cổ phần Đầu tư và Du lịch Thuận Thanh trong năm 2010.

3884
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
VÀ DU LỊCH
THUẬN
THẢO
PHÚ YÊN
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỤẬN THẢO

Số 03 Hải Dương, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị quản lý | Tài sản cố định khác | Tổng cộng | Đơn vị tính: VND |
|-------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 896.056.224.824 | 9.138.337.865 | 418.601.966 | 8.707.982.005 | 27.092.129.394 | 941.413.276.054 | |
| Số tăng trong năm | - | 121.772.728 | - | - | - | 121.772.728 | |
| - Phân loại lại | - | 121.772.728 | - | - | - | 121.772.728 | |
| Số giảm trong năm | - | - | 121.772.728 | - | - | 121.772.728 | |
| - Phân loại lại | - | - | 121.772.728 | - | - | 121.772.728 | |
| Số dư cuối năm | 896.056.224.824 | 9.260.110.593 | 296.829.238 | 8.707.982.005 | 27.092.129.394 | 941.413.276.054 | |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 190.178.730.866 | 7.770.782.328 | 275.146.293 | 7.714.912.932 | 24.603.716.560 | 230.543.288.979 | |
| Khấu hao trong năm | 20.222.633.819 | 398.634.336 | 21.682.945 | 760.782.524 | 1.469.407.415 | 22.873.141.039 | |
| Số dư cuối năm | 210.401.364.685 | 8.169.416.664 | 296.829.238 | 8.475.695.456 | 26.073.123.975 | 253.416.430.018 | |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 705.877.493.958 | 1.367.555.537 | 143.455.673 | 993.069.073 | 2.488.412.834 | 710.869.987.075 | |
| Tại ngày cuối năm | 685.654.860.139 | 1.090.693.929 | - | 232.286.549 | 1.019.005.419 | 687.996.846.036 | |

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là: 18.361.921.584 đồng.

Phần lớn tài sản cố định của Công ty đã thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh V.16)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 6.685.416.593 | 7.080.730.232 |
| Cộng | 6.685.416.593 | 7.080.730.232 |

11. Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Vận tải và TM An Thiên Phúc | 8.727.990.988 | 10.356.315.618 |
| Phải trả người bán khác | 8.438.223.060 | 9.914.102.354 |
| Cộng | 17.166.214.048 | 20.270.417.972 |

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Vận tải và Thương mại An Thiên Phúc | 5.020.610.649 | 5.020.610.649 |
| Công ty Cổ phần NDMREAL | 13.230.000.000 | 1.230.000.000 |
| Người mua trả tiền trước khác | 78.488.002 | 51.154.003 |
| Cộng | 18.329.098.651 | 6.301.764.652 |

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | 01/01/2019 | Số phải nộp | Số đã nộp | 31/12/2019 |
|--|------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|
| | VND | trong năm | trong năm | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | 59.069.081.917 | 1.375.731.705 | 3.030.195.120 | 57.414.618.502 |
| Thuế TNDN | 4.913.083.841 | - | 46.281.000 | 4.866.802.841 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.687.928 | 43.493.123 | 30.221.800 | 14.959.251 |
| Thuế môn bài | - | 8.000.000 | 8.000.000 | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp và thuế khác | 88.481.000.073 | 8.266.355.704 | 2.848.446.881 | 93.898.908.896 |
| Cộng | 152.464.853.759 | 9.693.580.532 | 5.963.144.801 | 156.195.289.490 |

Ghi chú: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước đã quá hạn thanh toán, tuy nhiên Công ty vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Do đó, ngày 06/3/2019 Cục trưởng Cục thuế tỉnh Phú Yên ra Quyết định số 657/QĐ-CT và Thông báo số 658/TB-CT về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng. Theo đó, mỗi lần Công ty bán hàng, cung cấp dịch vụ cho khách hàng thì đề nghị Cục thuế tỉnh Phú Yên cấp hóa đơn bán lẻ từng lần và nộp số tiền thuế bằng 18% doanh thu trên hóa đơn lẻ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay phải trả | 821.566.858.723 | 716.515.755.223 |
| Cộng | 821.566.858.723 | 716.515.755.223 |

15. Phải trả khác

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải trả ngắn hạn khác | 4.484.956.269 | 5.233.337.714 |
| Kinh phí công đoàn chưa nộp | 560.187.000 | 560.187.000 |
| Phải trả bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, BHYT | 816.051.148 | 753.556.384 |
| Kinh phí được cấp để làm đường độc lập | 1.476.130.565 | 1.476.130.565 |
| Công ty TNHH Vận tải và Thương mại An Thiên Phúc | - | 75.000.000 |
| Phải trả cổ tức | 657.780.000 | 657.780.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 974.807.556 | 1.710.683.765 |
| Phải trả dài hạn khác | 17.126.743.708 | 17.187.643.708 |
| Bà Võ Thị Thanh | 12.025.136.708 | 12.025.136.708 |
| Bà Võ Thanh Minh Hằng | 1.279.905.000 | 1.279.905.000 |
| Ông Võ Hoàng Chương | 701.270.000 | 701.270.000 |
| Bà Đặng Thị Nguyệt Thương | 330.600.000 | 330.600.000 |
| Ông Võ Việt Cường | 330.550.000 | 330.550.000 |
| Ông Trương Trọng Cử | 330.550.000 | 330.550.000 |
| Ông Võ Văn Thuận | 638.023.000 | 638.023.000 |
| Tiền gửi của nhân viên | 1.243.209.000 | 1.304.109.000 |
| Ký quỹ khách hàng | 247.500.000 | 247.500.000 |
| Cộng | 21.611.699.977 | 22.420.981.422 |
| Phải trả khác của các bên liên quan | | |
| Bà Võ Thị Thanh | 12.025.136.708 | 12.025.136.708 |
| Bà Võ Thanh Minh Hằng | 1.279.905.000 | 1.279.905.000 |
| Ông Võ Hoàng Chương | 701.270.000 | 701.270.000 |
| Bà Đặng Thị Nguyệt Thương | 330.600.000 | 330.600.000 |
| Ông Võ Việt Cường | 330.550.000 | 330.550.000 |
| Ông Trương Trọng Cử | 330.550.000 | 330.550.000 |
| Ông Võ Văn Thuận | 638.023.000 | 638.023.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

| | 01/01/2019 VND | Tăng | Giảm | 31/12/2019 VND |
|----------------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| I) Vay ngắn hạn | 629.396.804.699 | - | - | 629.396.804.699 |
| Vay ngắn hạn | 85.799.070.192 | - | - | 85.799.070.192 |
| Ngân hàng BIDV - Phú Tài (a) | 81.236.002.226 | | | 81.236.002.226 |
| Ngân hàng Vietinbank Phú Yên (b) | 4.563.067.966 | | | 4.563.067.966 |
| Vay của cá nhân | - | | | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 543.597.734.507 | - | - | 543.597.734.507 |
| Ngân hàng BIDV - Phú Tài (a) | 543.597.734.507 | - | - | 543.597.734.507 |
| II) Vay dài hạn | 16.745.642.541 | 27.298.301.000 | 16.691.985.000 | 27.351.958.541 |
| Vay của cá nhân (c) | 16.745.642.541 | 27.298.301.000 | 16.691.985.000 | 27.351.958.541 |
| Cộng | 646.142.447.240 | 27.298.301.000 | 16.691.985.000 | 656.748.763.240 |

- a) Vay Ngân hàng Thương Mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài (BIDV Phú Tài) gồm:

Vay ngắn hạn bằng tiền Đồng Việt Nam theo hạn mức tín dụng với số tiền là 90 tỷ đồng để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay không vượt quá 8 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất thả nổi, áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn theo thông báo công bố lãi suất của BIDV Phú Tài tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng. Số dư nợ tại ngày 31/12/2019 là 81.236.002.226 đồng, Hiện các khoản vay ngắn hạn này đã quá hạn thanh toán.

Vay dài hạn bao gồm các hợp đồng sau:

| Số hợp đồng vay | Hạn mức vay | Lãi suất (năm) | Thời hạn vay | Số dư nợ gốc vay VND | Vay dài hạn đến hạn trả VND |
|------------------------------|-----------------|----------------|--------------|------------------------|-----------------------------|
| 01/2006/HĐTH ngày 09/05/2006 | 9.000.000.000 | 11% | 60 tháng | 4.100.000.000 | 4.100.000.000 |
| 01/2007/HĐDH ngày 07/12/2007 | 40.000.000.000 | 11% | 84 tháng | 27.300.000.000 | 27.300.000.000 |
| 02/2007/HĐDH ngày 20/04/2007 | 37.000.000.000 | 11% | 96 tháng | 28.200.000.000 | 28.200.000.000 |
| 03/2007/HĐDH ngày 18/10/2007 | 25.000.000.000 | 11% | 84 tháng | 16.404.000.000 | 16.404.000.000 |
| 04/2007/HĐDH ngày 18/10/2007 | 16.500.000.000 | 11% | 84 tháng | 11.050.000.000 | 11.050.000.000 |
| 01/2008/HĐDH ngày 01/04/2008 | 319.152.000.000 | 11% | 120 tháng | 306.343.734.507 | 306.343.734.507 |
| 02/2008/HĐDH ngày 18/02/2008 | 25.000.000.000 | 11% | 60 tháng | 21.700.000.000 | 21.700.000.000 |
| 01/2009/HĐDH ngày 19/03/2009 | 105.000.000.000 | 11% | 120 tháng | 100.900.000.000 | 100.900.000.000 |
| 01/2009/HĐDH ngày 24/04/2009 | 30.000.000.000 | 11% | 84 tháng | 27.600.000.000 | 27.600.000.000 |
| Cộng | | | | 543.597.734.507 | 543.597.734.507 |

TRÁCH
DỊCH
TÀI CHÍNH
VÀ
N
WJ-7

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vốn vay dài hạn được sử dụng để đầu tư cho các hạng mục thuộc Công viên Văn hóa Du lịch Thuận Thảo tại số 02-03 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên và đầu tư dự án Resort tại đường Độc Lập, Phường 7, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn, trung dài hạn tại BIDV Phú Tài gồm:

- Toàn bộ công trình là tài sản gắn liền với đất Trung tâm Giải trí và sinh thái Thuận Thảo theo hợp đồng thế chấp số 01/2010/HĐTC ngày 08/03/2010 và văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTC ngày 08/03/2010 số 01/2015/1993226/SĐBS ngày 13/04/2015.
- Khách sạn 05 sao 17 tầng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DA 710530 cấp ngày 09/06/2010, sổ vào sổ cấp GCN số CT00104 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2010/HĐTC ngày 09/09/2010.
- Khu resort Thuận Thảo, bao gồm các hạng mục: Nhà hàng biển, Bar biển 1; Bar biển 2 nhà kỹ thuật; tại địa chỉ phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất số BA 709846 cấp ngày 17/09/2010, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2010/HĐTC ngày 20/09/2010.

Số dư nợ vay dài hạn là 543.597.734.507 đồng đến hạn trả theo lịch trả nợ của các hợp đồng tín dụng nên đã được phân loại sang nợ ngắn hạn. Hiện các khoản vay đến hạn trả này đã quá hạn thanh toán. Theo thông báo số 1016/BIDV.PT-KHDN2 ngày 1/9/2015 thì BIDV Phú Tài đã bán toàn bộ các khoản nợ này cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) kể từ ngày 31/8/2015. Sau khi bán nợ BIDV được VAMC ủy quyền tiếp tục thực hiện quản lý, giám sát khoản nợ và tài sản đảm bảo của khoản nợ. Trong năm 2016, VAMC đã tiến hành khởi kiện Công ty ra Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa tỉnh Phú Yên để thu hồi nợ. Ngày 29/12/2016 Công ty và VAMC đã tiến hành hòa giải thành, theo đó VAMC đồng ý cho Công ty tìm đối tác bán tài sản đảm bảo (thế chấp) trả nợ cho VAMC thông qua BIDV chậm nhất đến ngày 30/06/2017. Từ ngày 01/07/2017 nếu Công ty CP Thuận Thảo chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng BIDV được quyền phát mãi tài sản thế chấp mà chưa được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, theo đó ngày 06/01/2017 Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa tỉnh Phú Yên đã ra Quyết định số 01/2017/QĐST-KDTM công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như nêu trên. Ngày 13/10/2017, Chi Cục trưởng Chi Cục thi hành án dân sự đã ra quyết định 69/QĐ-CCTHADS thi hành án đối với công ty. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa đã chuyển toàn bộ hồ sơ cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên thụ lý. Hiện Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên đang thực hiện các thủ tục thi hành án theo các quyết định trên.

- b) Vay ngắn hạn của chi nhánh Ngân hàng Thương mại Công Thương Phú Yên (VietinBank Phú Yên) theo hợp đồng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT560 vào tháng 09/2014 bằng tiền Đồng Việt Nam theo hạn mức tín dụng với số tiền là 30,271 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải, du lịch, khách sạn resort, thương mại, suga.... Thời hạn duy trì hạn mức là 1 năm. Lãi suất thả nổi, áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn theo thông báo công bố lãi suất của VietinBank Phú Yên tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay bao gồm:
- Toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất tọa lạc tại địa chỉ 227 QL1A (nay là đường Nguyễn Tấn Thành, phường 8, Tp.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/2015/BÉN XE/ THUAN THAO ngày 14/01/2015.
 - Toàn bộ công trình mở rộng trung tâm hội nghị, triển lãm và dịch vụ du lịch Thuận Thảo tại 03 Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 03/2015/LAND/THUAN THAO ngày 14/01/2015.
 - Toàn bộ công trình nhà văn hóa dân tộc trong khuôn viên trung tâm sinh thái Thuận Thảo theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 05/2015/QSHCT SAO MAI/THUAN THAO ngày 15/01/2015.
 - Toàn bộ tài sản gồm hệ thống thiết bị, âm thanh ánh sáng của công trình nhà văn hóa dân tộc trong khuôn viên trung tâm sinh thái Thuận Thảo theo hợp đồng thế chấp dàn âm thanh, ánh sáng Sao Mai Thuận Thảo số 06/2015/MMTB SAO MAI/THUAN THAO ngày 14/01/2015.

CÔNG TY
 THUẬN THẢO
 VIỆT NAM
 CHỖ CHỮ
 KÝ TÊN
 VÀ CHỮ
 ĐÓNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Toàn bộ tài sản gồm hạng mục đóng kệ, khung gương; lắp đặt ghế bang; đôn chân ghế khán giả, gia cố đế quạt; ghế thi công và hệ thống cáp điện của công trình nhà văn hóa dân tộc trong khuôn viên trung tâm sinh thái Thuận Thảo theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 07/2015/CONG TRINH SAO MAI/THUAN THAO ngày 15/01/2015.

Các khoản vay này đã quá hạn thanh toán nên trong năm chi nhánh Ngân hàng Thương mại Công Thương Phú Yên (VietinBank Phú Yên) đã tiến hành khởi kiện Công ty ra Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa tỉnh Phú Yên để thu hồi nợ. Ngày 17/02/2017 Công ty và VietinBank Phú Yên đã tiến hành hòa giải thành, theo đó VietinBank Phú Yên đồng ý cho Công ty tìm đối tác bán tài sản đảm bảo (thế chấp) trả nợ cho VietinBank Phú Yên chậm nhất đến ngày 30/06/2017. Từ ngày 01/07/2017 nếu Công ty CP Thuận Thảo chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Công Thương Việt Nam được quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, theo đó ngày 27/02/2017 Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa tỉnh Phú Yên đã ra Quyết định số 03/2017/QĐST-KDTM công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như nêu trên. Ngày 16/11/2017, Chi Cục trưởng Chi Cục thi hành án dân sự đã ra quyết định 153/2017/QĐ-CCTHADS thi hành án đối với công ty. Ngày 22/3/2018 Chi cục thi hành án dân sự TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên ra Quyết định số 12/QĐ-CCTHADS ngày 22/3/2018 về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản; Quyết định số 13/QĐ-CCTHADS ngày 22/3/2018 về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản; Quyết định số 14/QĐ-CCTHADS ngày 22/3/2018 về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản; Quyết định số 15/QĐ-CCTHADS ngày 22/3/2018 về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản; Quyết định số 16/QĐ-CCTHADS ngày 22/3/2018 về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa đã chuyển toàn bộ hồ sơ cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên thụ lý. Hiện Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên đang thực hiện các thủ tục thi hành án theo các quyết định trên.

- c) Khoản vay của Bà Võ Thị Thanh (Chủ tịch Hội đồng quản trị - bên liên quan) theo Hợp đồng vay được ký kết ngày 01/03/2010 và các phụ lục hợp đồng bổ sung; số tiền vay tối đa là 120.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn đầu tư và kinh doanh cho Công ty; lãi suất vay theo thỏa thuận từng đợt; thanh toán lãi vay vào thời điểm cuối mỗi năm hoặc theo thỏa thuận khác. Công ty không phải trả lãi vay cho khoản vay này.

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm trước | 435.030.000.000 | 11.807.798.943 | (1.080.083.871.208) | (633.246.072.265) |
| Lỗ trong năm trước | | | (189.680.209.347) | (189.680.209.347) |
| Số dư cuối năm trước | 435.030.000.000 | 11.807.798.943 | (1.269.764.080.555) | (822.926.281.612) |
| Số dư đầu năm nay | 435.030.000.000 | 11.807.798.943 | (1.269.764.080.555) | (822.926.281.612) |
| Lỗ trong năm nay | | | (165.869.050.290) | (165.869.050.290) |
| Số dư cuối năm | 435.030.000.000 | 11.807.798.943 | (1.435.633.130.845) | (988.795.331.902) |

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 31/12/2019 | % | 01/01/2019 | % |
|--------------------------------|------------------------|------------|------------------------|------------|
| | VND | | VND | |
| Vốn góp của nhà nước | - | - | - | - |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 435.030.000.000 | 100 | 435.030.000.000 | 100 |
| Cộng | 435.030.000.000 | 100 | 435.030.000.000 | 100 |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------|-----------------|------------------|
| Vốn góp của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu năm | 435.030.000.000 | 435.030.000.000 |
| Vốn góp tăng trong kỳ | - | - |
| Vốn góp cuối năm | 435.030.000.000 | 435.030.000.000 |

d) Cổ phiếu

| | 31/12/2019 Cổ phiếu | 01/01/2019 Cổ phiếu |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 43.503.000 | 43.503.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 43.503.000 | 43.503.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 43.503.000 | 43.503.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 43.503.000 | 43.503.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 43.503.000 | 43.503.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|------------------------|--------------------------|
| 1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 24.463.094.443 | 30.014.616.732 |
| Doanh thu thuần kinh doanh du lịch, khách sạn và nhà hàng | 17.819.229.513 | 20.756.817.522 |
| Doanh thu thuần kinh doanh thương mại | 6.643.864.930 | 9.257.799.210 |
| 2. Giá vốn hàng bán | Năm nay VND | Năm trước VND |
| Giá vốn kinh doanh du lịch, khách sạn và nhà hàng | 11.740.010.937 | 11.798.990.153 |
| Giá vốn kinh doanh thương mại | 4.716.990.342 | 7.940.054.156 |
| Cộng | 16.457.001.279 | 19.739.044.309 |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | Năm nay VND | Năm trước VND |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 100.236 | 133.740 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 200.000.000 | 428.358.458 |
| Cộng | 200.100.236 | 428.492.198 |
| 4. Chi phí tài chính | Năm nay VND | Năm trước VND |
| Lãi tiền vay | 105.051.103.500 | 105.583.853.213 |
| Cộng | 105.051.103.500 | 105.583.853.213 |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 1.603.997.000 | 2.135.861.000 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ | 1.531.231.845 | 1.809.991.702 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 14.861.506.806 | 14.910.325.314 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.692.025.259 | 3.772.635.722 |
| Chi phí bằng tiền khác | 287.666.967 | 813.389.983 |
| Cộng | 22.976.427.877 | 23.442.203.721 |

6. Chi phí Quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 11.964.567.000 | 11.901.616.384 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ | 993.812.767 | 1.384.019.427 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 8.215.727.292 | 8.185.984.853 |
| Phân bổ lợi thế thương mại | 12.332.678.379 | 12.332.678.376 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.322.555.222 | 3.002.128.074 |
| Chi phí bằng tiền khác | 4.601.686.447 | 27.126.538.768 |
| Cộng | 40.431.027.107 | 63.932.965.882 |

7. Thu nhập khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---------------|--------------------|--------------------|
| Thu nhập khác | 399.704.215 | 615.199.797 |
| Cộng | 399.704.215 | 615.199.797 |

8. Chi phí khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí thuế truy thu và phạt chậm nộp | 5.857.045.186 | 7.810.605.303 |
| Chi phí khác | 159.344.235 | 229.845.646 |
| Cộng | 6.016.389.421 | 8.040.450.949 |

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế. Trong năm Công ty bị lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, Công ty không thực hiện ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trong năm do không chắc chắn sẽ có được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để thu hồi tài sản thuế thu nhập hoãn lại nếu được ghi nhận.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày dưới đây:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (165.869.050.290) | (189.680.209.347) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm | 18.184.616.465 | 19.873.993.682 |
| - Điều chỉnh tăng | 18.184.616.465 | 19.873.993.682 |
| - Điều chỉnh giảm | - | - |
| Tổng thu nhập tính thuế | (147.684.433.825) | (169.806.215.665) |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 22% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - |

10. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (165.869.050.290) | (189.680.209.347) |
| Các khoản điều chỉnh | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | (165.869.050.290) | (189.680.209.347) |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 43.503.000 | 43.503.000 |
| Lỗ cơ bản trên cổ phiếu | (3.813) | (4.360) |

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 12.702.468.242 | 15.852.794.417 |
| Chi phí nhân công | 18.745.236.696 | 19.691.465.293 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 35.205.819.418 | 35.214.952.753 |
| <i>Trong đó: phân bổ lợi thế thương mại</i> | <i>12.332.678.379</i> | <i>12.332.678.376</i> |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.137.128.250 | 8.178.775.357 |
| Chi phí khác | 5.128.510.656 | 28.239.812.092 |
| Cộng | 79.919.163.262 | 107.177.799.912 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị giao dịch (VND) |
|-------------------|---------------|---------------------------------|------------------------------------|
| Bà Võ Thị Thanh | Bên liên quan | Cho công ty vay Trả tiền vay | 27.298.301.000 (16.691.985.000) |

Tại ngày 31/12/2019, ngoài các khoản đã được thuyết minh ở các phần trên với các bên liên quan, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND) |
|-----------------------|---------------|--------------------|--|
| Ông Võ Hoàng Chương | Bên liên quan | Phải trả khác | (22.375.000) |
| Bà Võ Thanh Minh Hằng | Bên liên quan | Phải trả khác | (1.853.118.000) |
| Bà Võ Thị Thanh | Bên liên quan | Phải trả khác | (5.568.300.000) |
| Ông Võ Văn Thuận | Bên liên quan | Phải trả khác | (1.525.370.000) |

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát trong năm như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lương, thưởng và phúc lợi khác | 1.672.710.000 | 1.816.062.000 |
| Cộng | 1.672.710.000 | 1.816.062.000 |

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh của công ty như sau :

- Kinh doanh du lịch và khách sạn : bao gồm khách sạn, nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải khát, kinh doanh khu du lịch, vui chơi, giải trí, kinh doanh và điều hành du lịch...
- Kinh doanh thương mại: bao gồm bán buôn và bán lẻ hàng hóa

1386
NG T
DINH
VU TI
KH K
LIEN T
N VD
P. HC

CÔNG TY CỔ PHẦN THỤẬN THẢO

Số 03 Hải Dương, Thành Phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

| Năm 2019 | Kinh doanh du lịch và khách sạn | Kinh doanh thương mại | Đơn vị tính: VND |
|-------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | Tổng cộng |
| Doanh thu bộ phận | 17.819.229.513 | 6.643.864.930 | 24.463.094.443 |
| Các chi phí trực tiếp | (24.175.127.997) | (166.756.821.187) | (190.931.949.184) |
| Kết quả kinh doanh bộ phận | (6.355.898.484) | (160.112.956.257) | (166.468.854.741) |
| Doanh thu tài chính | 59.844 | 200.040.392 | 200.100.236 |
| Thu nhập khác | 280.279.940 | 119.424.275 | 399.704.215 |
| Tổng Lợi nhuận trước thuế | | | (165.869.050.290) |
| Chi phí thuế TNDN | | | (165.869.050.290) |
| Lợi nhuận sau thuế trong năm | | | - |
| Vào ngày 31/12/2019 | | | |
| Tài sản và nợ phải trả | 662.017.930.512 | 51.379.757.544 | 713.397.688.056 |
| Tài sản của bộ phận | | | - |
| Tài sản không phân bổ | | | 713.397.688.056 |
| Tổng tài sản | | | |
| Nợ phải trả của bộ phận | 396.733.447.484 | 13.046.970.349 | 409.780.417.833 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | 1.292.412.602.125 |
| Tổng nợ phải trả | | | 1.702.193.019.958 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỤẬN THẢO

Số 03 Hải Dương, Thanh Phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

| | Đơn vị tính: VND | | |
|-------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Năm 2018 | Kinh doanh du lịch và khách sạn | Kinh doanh thương mại | Tổng cộng |
| Doanh thu bộ phận | 20.756.817.522 | 9.257.799.210 | 30.014.616.732 |
| Các chi phí trực tiếp | (24.745.894.381) | (195.992.623.693) | (220.738.518.074) |
| Kết quả kinh doanh bộ phận | (3.989.076.859) | (186.734.824.483) | (190.723.901.342) |
| Doanh thu tài chính | 3.422.483 | 425.069.715 | 428.492.198 |
| Thu nhập khác | 36.096.681 | 579.103.116 | 615.199.797 |
| Tổng Lợi nhuận trước thuế | | | (189.680.209.347) |
| Chi phí thuế TNDN | | | (189.680.209.347) |
| Lợi nhuận sau thuế trong năm | | | - |
| Vào ngày 31/12/2018 | | | |
| Tài sản và nợ phải trả | | | |
| Tài sản của bộ phận | 699.294.214.696 | 51.379.757.544 | 750.673.972.240 |
| Tài sản không phân bổ | | | - |
| Tổng tài sản | | | 750.673.972.240 |
| Nợ phải trả của bộ phận | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ | 396.733.447.484 | 13.046.970.349 | 409.780.417.833 |
| Tổng nợ phải trả | | | 1.163.819.836.019 |
| | | | 1.573.600.253.852 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 56.069.300 | 126.861.186 | 56.069.300 | 126.861.186 |
| Phải thu khách hàng | 3.643.969.589 | 3.668.316.389 | 3.643.969.589 | 3.668.316.389 |
| Phải thu khác | 4.981.783.092 | 4.987.763.161 | 4.981.783.092 | 4.987.763.161 |
| Cộng | 8.681.821.981 | 8.782.940.736 | 8.681.821.981 | 8.782.940.736 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Các khoản vay | 656.748.763.240 | 646.142.447.240 | 656.748.763.240 | 646.142.447.240 |
| Chi phí phải trả | 821.566.858.723 | 716.515.755.223 | 821.566.858.723 | 716.515.755.223 |
| Phải trả người bán | 17.166.214.048 | 20.270.417.972 | 17.166.214.048 | 20.270.417.972 |
| Phải trả khác | 20.235.461.829 | 21.107.238.038 | 20.235.461.829 | 21.107.238.038 |
| Cộng | 1.515.717.297.840 | 1.404.035.858.473 | 1.515.717.297.840 | 1.404.035.858.473 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty có một số tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng vào ngày 31/12/2019 (xem thuyết minh V.9, V.15). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2018 và vào ngày 31/12/2019.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 1 năm | Cộng |
|--------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Số cuối năm | 1.471.238.595.591 | 44.478.702.249 | 1.515.717.297.840 |
| Các khoản vay | 629.396.804.699 | 27.351.958.541 | 656.748.763.240 |
| Chi phí phải trả | 821.566.858.723 | - | 821.566.858.723 |
| Phải trả người bán | 17.166.214.048 | - | 17.166.214.048 |
| Phải trả khác | 3.108.718.121 | 17.126.743.708 | 20.235.461.829 |
| Số đầu năm | 1.370.102.572.224 | 33.933.286.249 | 1.404.035.858.473 |
| Các khoản vay | 629.396.804.699 | 16.745.642.541 | 646.142.447.240 |
| Chi phí phải trả | 716.515.755.223 | - | 716.515.755.223 |
| Phải trả người bán | 20.270.417.972 | - | 20.270.417.972 |
| Phải trả khác | 3.919.594.330 | 17.187.643.708 | 21.107.238.038 |

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá nhiên liệu và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Thông tin về hoạt động kinh doanh và giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2019, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần sau thuế trong kỳ là (165.869.050.290) đồng, lỗ lũy kế đến 31/12/2019 là (1.435.633.130.845) đồng đã vượt quá vốn chủ sở hữu và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.646.090.255.897 đồng. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác như khoản cho vay và lãi cho vay đã quá hạn thanh toán chưa thu hồi được với số tiền là 453.632.500.000 đồng (thuyết minh V.4, V.5 trang 16), các khoản vay đến hạn trả và lãi vay chưa thanh toán với số tiền là 1.450.963.663.422 đồng (xem thuyết minh V.16 trang 21,22,23 và V.14 trang 20), các khoản thuế và lãi phạt chậm nộp thuế với số tiền là 156.195.289.490 đồng (xem thuyết minh V.13 trang 19), cho thấy Công ty gặp áp lực về thanh khoản và sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Trước thực trạng này, thực hiện theo Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐBT2016/GTT ngày 11/10/2016 của Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2016, Ban lãnh đạo Công ty đang làm việc với các nhà đầu tư để chuyển nhượng tài sản của các dự án để trả nợ cho các ngân hàng, nợ thuế, nợ cá nhân, đồng thời cũng phối hợp với các Ngân hàng để chuyển nhượng, mua bán các tài sản đã thế chấp để trả nợ cho các ngân hàng, cá nhân, nghĩa vụ nhà nước theo qui định của pháp luật.

Công ty cũng đang làm việc với các công ty mua bán nợ để thực hiện mua bán các khoản nợ liên quan đến các ngân hàng, xây dựng chiến lược trung và dài hạn cho việc tái cơ cấu tài chính của Công ty. Từng bước tăng cường năng lực tài chính nhằm duy trì khả năng kiểm soát đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty không bị thụ động vào nguồn vốn và có thêm nguồn vốn để tái cấu trúc, đầu tư sửa chữa, tôn tạo, nâng cấp các lĩnh vực còn lại tạo sự ổn định trong sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty cũng đang thực hiện một số biện pháp khác như tập trung thu hồi các công nợ để có vốn đầu tư. Ưu tiên thực hiện nghĩa vụ về thuế và các chính sách cho người lao động: lương, BHXH....Tiếp tục xây dựng chiến lược trung và dài hạn cho việc tái cơ cấu tài chính của Công ty. Từng bước tăng cường năng lực tài chính nhằm duy trì khả năng kiểm soát đảm bảo hoạt động kinh doanh Công ty không bị thụ động vào nguồn vốn. Kiện toàn hệ thống quy trình, tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, tiết giảm chi phí.

Với những biện pháp này, Ban lãnh đạo Công ty tin rằng tình hình rủi ro về thanh khoản sẽ được kiểm soát và cải thiện, theo đó Ban lãnh đạo Công ty khẳng định rằng việc sử dụng giả định hoạt động liên tục trong việc lập và trình báo cáo tài chính năm 2019 là phù hợp.

Vì vậy, báo cáo tài chính không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các khoản mục tài sản đã hạch toán hoặc việc phân loại các khoản mục công nợ có thể cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

10. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Nguyễn Văn Như

Ngày 21 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Như

Tổng Giám đốc



Võ Thị Thanh

